

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và ông Nguyễn Đức Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2024/TLST – HNGĐ ngày 18/03/2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/05/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/06/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1986; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Bùi Thị H trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng có khác nhau về quan điểm sống, phong cách sống và nuôi dạy con; trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau khiến cuộc hôn nhân hết sức nặng nề. Khoảng cuối năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng lên đỉnh điểm nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xác định tình

cảm vợ chồng không còn; mục đích hôn nhân không đạt được; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

1.2. Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 16/9/2006 và cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/5/2010. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu T và để anh Th nuôi dưỡng cháu T1. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không còn yêu cầu nào khác.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Văn Th trình bày:

2.1. Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 16 đến 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Đến cuối năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định chị H kiên quyết xin ly hôn nên khả năng vợ chồng anh đoàn tụ không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn chị H. Anh Th đề nghị Tòa án buộc chị H phải cùng anh bán tài sản chung của vợ chồng là đất ở và đất ruộng để chia nhau thì anh mới đồng ý ly hôn chị H.

2.2. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 16/9/2006 và cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/5/2010. Ly hôn, anh Th đề nghị được nuôi dưỡng cháu T và để chị H nuôi dưỡng cháu T1. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

2.3. Về tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy theo tiêu chuẩn), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh xác định anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về tài sản chung của vợ chồng, anh Th xác định vợ chồng có một thửa đất và diện tích đất ruộng ở thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Số thửa cụ thể như thế nào, diện tích bao nhiêu thì anh không nắm được; anh đề nghị Tòa án buộc chị H phải đồng ý cho anh bán đất, bán ruộng để chia nhau bằng tiền thì anh mới ký giấy tờ để vợ chồng thuận tình ly hôn.

Ngoài ra anh Th không còn yêu cầu nào khác.

[3] Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày; cụ thể: Chị đề nghị được ly hôn anh Th. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh Th

nuôi dưỡng; giao cháu T1 cho chị nuôi dưỡng; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản và các vấn đề khác chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xác định việc anh Th không tham gia giải quyết việc chị kiện ly hôn tại Tòa án là nhằm gây sức ép để buộc chị ký bán nhà đất để chia tiền, tuy nhiên chị xác định bán nhà đất đi là anh Th tiêu hết không còn tài sản gì để lại cho các con nên chị không đồng ý bán để chia nhau bằng tiền; chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc anh Th vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị H. Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Th: Giao cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 16/9/2006 cho anh Nguyễn Văn Th nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/5/2010 cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng. Chị H, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Th không có quan điểm vì không tham gia tố tụng.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn – anh Nguyễn Văn Th đăng ký thường trú tại thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy anh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại pH tòa vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng có quan điểm khác nhau về giao tiếp và hoạt động xã hội, về cách nuôi dạy con, về cách làm kinh tế và chi tiêu trong gia đình; từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, lúc đầu hai bên còn nhường nhịn nhau nhưng dần dần do quan điểm của hai người ngày càng cách biệt nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Khoảng cuối năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng lên đỉnh điểm; chị H về nhà bố mẹ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy trên thực tế anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay; cả hai người đều xác định khả năng vợ chồng về đoàn tụ là không còn; anh Th không đồng ý ly hôn chị H không phải vì anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H mà vì do chị H không làm thủ tục bán nhà đất để vợ chồng chia tài sản chung bằng tiền. Sau khi chị H không đồng ý làm thủ tục bán nhà đất thì anh Th đã cố tình không tham gia tố tụng giải quyết vụ án do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H; xử cho chị H ly hôn anh Th là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 16/9/2006 và cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/5/2010.

Xét thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của chị H và anh Th là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này của anh chị; giao cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng; giao cháu T cho anh Th nuôi dưỡng; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản công sức, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy): Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th có mong muốn giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng (bao gồm cả đất nông nghiệp) nhưng là muốn chị H phải cùng anh bán tài sản, chia nhau bằng tiền trước khi Tòa án giải quyết ly hôn. Khi tiến hành hòa giải, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã giải thích cho chị H, anh Th biết mặc dù chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nhưng anh Th vẫn có quyền yêu cầu và muốn Tòa án giải quyết thì anh Th phải thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tuy

nhiên sau đó anh Th không có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời cô tình không tham gia tố tụng như vậy anh Th đã không thực hiện quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H vẫn tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này; anh Th không tham gia phiên tòa, không thực hiện quyền yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này mặc dù đã được giải thích pháp luật do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng (bao gồm cả đất nông nghiệp) trong vụ án này. Nếu sau này anh chị xảy ra tranh chấp thì chị H, anh Th có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Th: Giao cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 16/9/2006 cho anh Nguyễn Văn Th nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/5/2010 cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng. Chị H, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh Th và các thành viên gia đình không được cản trở anh Th, chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000609 ngày 18/03/2024 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. (*Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa pH tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)